

Ý NGHĨA CỦA XUẤT GIA GIEO DUYÊN



Tất cả các học viên sa-di, tu nữ có mặt trong giờ phút này, tại đây bây giờ, thực sự có nhiều phước duyên. Như danh sách đăng ký tham gia có hơn ba mươi người, bây giờ chỉ còn lại mười chín người, một số người không thể tham gia do nhiều nguyên nhân khác nhau. Thậm chí có một học viên tu nữ, vừa dự lễ khai giảng xong thì phát bệnh, không thể tham dự tiếp được. Ngoài những lý do khách quan, ở đây còn một nguyên nhân mà trong nhà Phật hay gọi là “hội đủ duyên lành”. Qua sự việc này chúng ta có thể thấy vấn đề này rõ hơn, cụ thể hơn một chút. Các vị đều có những trường hợp riêng, tùy vào độ tuổi, trách nhiệm, quan hệ xã hội, gia đình khác nhau, nhưng hầu hết đều đa đoan, nhiều bận rộn, nhiều phận sự và thậm chí cả vấn đề về sức khỏe nữa, nhưng có thể sắp xếp và có mặt trong khóa tu học này, hoàn thành được tâm nguyện của mình, so với một số vị khác thì quả thực các vị có duyên phước hơn nhiều. Để biết thêm về lợi ích của đời sống xuất gia, thầy sẽ chia sẻ với tất cả các học viên trong buổi giảng hôm nay, chủ đề về khóa Xuất gia gieo duyên và đời sống của người xuất gia.

Việc xuất gia khi đức Phật còn tại thế khác với thời đại của chúng ta ngày nay. Khi Ngài bắt đầu con đường hoằng pháp sau khi đại giác ngộ rồi, bấy giờ chưa có chùa chiền nên đức Phật và các môn đệ cứ du hành từ vùng này sang vùng khác, lấy “màn trời chiếu đất” làm bạn thân thiết của đời sống tu hành. Họ chia thành từng nhóm nhỏ, có thể ở rừng núi hoang vắng, trong nghĩa địa, dưới bóng cây, trong động đá, hoặc bên bờ sông,... nghĩa là du hành tới đâu thì “thuận đâu nghỉ đấy”. Trong những điều kiện khó khăn bước đầu, chưa có nhiều người - đặc biệt là giới cư sĩ - tín mộ và ủng hộ, thì Phật giáo khi ấy được gọi là *Phật giáo du hành*. Có thể sau vài chục năm khi Phật giáo phát triển mạnh, có chỗ đứng trong xã hội, thì bấy giờ chùa chiền, các cơ sở tự viện (nơi tu hành của các vị xuất gia) mới bắt đầu được xây dựng lần hồi bởi các vị vua, các vị đại thí chủ, hoặc có nơi do phát tâm của từng nhóm cư dân địa phương. Khi đó bắt đầu bước sang giai đoạn *Phật giáo tu viện* - tức là có nơi cư trú, có chùa chiền, tự viện như chúng ta gọi ngày nay.

Và đến khi đức Phật viên tịch thì Phật giáo phát triển qua một giai đoạn khác. Trước khi đức Phật mất thì Phật giáo đã đạt đến giai đoạn cường thịnh, được nhiều người biết đến, được nhiều ủng hộ từ xã hội, khi đó bắt đầu phân ra: Có những vị thích tiếp tục đi du hành, có những vị thích ở tại một chỗ. Riêng vấn đề an cư nhập hạ là một trong những sinh hoạt quan

trọng của người xuất gia, được chế định trong khoảng thời gian sau này. Do tình hình, hoàn cảnh đưa đẩy và tác động nên đức Phật phải đặt ra các quy định trong từng tình huống khác nhau, tuy nhiên trong thời kỳ đầu thì không có quy định gì, theo sử liệu hoặc theo Luật tạng cho biết đó là vào khoảng khoảng mười hai năm đầu tiên sau khi đức Phật thành đạo và truyền bá giáo pháp.

Đời sống xuất gia bấy giờ được đức Phật diễn đạt như thế này: *“Là một đời sống tự do không ràng buộc, như cánh chim trời cứ bay và kiếm ăn hàng ngày bằng bình bát nuôi thân rồi tu tập, di chuyển từ nơi này đến nơi khác, không có nơi ở nhất định”* hoặc *“đời sống trắng bạch như vỏ ốc”* - có nghĩa là không bị nhuộm màu, bôi bẩn bởi các phiền não, tham dục, sân hận. Do không bị trách nhiệm, các mối ràng buộc thế gian cột trói cho nên đời sống đó trong sạch, thanh tịnh. Đó là một trong những điểm thu hút của đời sống xuất gia đối với giới tại gia. Đặc biệt với những người đã trải qua nhiều ràng buộc, phiền lụy, đau khổ trong cuộc sống thế tục nên khi nghe được lời dạy của đức Phật, họ đã dừng cảm rời xa gia đình, chọn đời sống không gia đình. Thầy trò đi với nhau từng nhóm, chỗ này qua chỗ khác, tùy nhân duyên vừa độ sinh vừa tu tập; một đời sống như thế quả thực rất tự do và không tạo những vấn đề rắc rối nào cho xã hội.

Nhưng sau khi số lượng các vị tỳ-khuru bắt đầu đông lên, đòi hỏi phải đặt ra các quy định để quản lý. Vì rõ ràng trong một cộng đồng, từng thành viên trong đó không thể tùy tiện muốn sống sao cũng được, mà phải có nề nếp. Nếu trong giai đoạn đầu, những vị đầu tiên do căn cơ trình độ khi đến với đạo Phật hoặc đức Phật thấy họ đủ khả năng để có thể điều chỉnh hành vi, luôn có ý thức khi nói năng, suy nghĩ, hành xử nên đức Phật không phải bận tâm và đặt ra các quy định. Nhưng khi bắt đầu có những hiện tượng lệch lạc xuất hiện do số lượng tỳ-khuru quá đông thì đức Phật mới chế ra các quy định, như là: khi sống trong tập thể cộng đồng thì người xuất gia không được làm cái gì, nên tránh cái gì. Rồi các sinh hoạt về Tăng-già (phiên âm của Saṅgha, là tổ chức những người xuất gia theo đạo Phật; là đoàn thể, hội chúng) khi tiến hành những công việc liên hệ đến tập thể, tổ chức thì phải như thế nào. Lần lượt các quy định đó được chế định, đặt ra, mà sau này người ta gọi là *giới* và *luật*.

Căn cứ các sự kiện trên cho thấy lúc sơ khởi giới luật không phải là cái gì mang tính liên hệ mật thiết đến tiến trình giải thoát. Giải thoát hoàn toàn không liên hệ đến cái người ta gọi là giới luật, mà nó liên hệ đến nhận thức. Có nhận thức đúng, thì mới có thể có hành vi đúng. Giới luật như được hiểu về sau là các quy ước, chế định để điều chỉnh lại hành vi sai, xấu, lệch lạc cần được điều chỉnh lại theo hướng đúng, tốt, không hại mình hại người.

Chẳng hạn, vị sa-di đầu tiên xuất hiện trong Phật giáo chính là con trai của đức Phật, là hoàng tử Rāhula. Vào dịp đức Phật về thăm quê hương, công nương Da-du-đà-la (Yasodharā) mới bảo con mình tới gặp đức Phật để xin gia sản mà Ngài để lại. Thay vì cho gia sản như thế tục vẫn nghĩ, tức là các hầm châu báu, của chím của nôi, vương vị,... thì đức Phật lại trao tặng cho Rāhula một gia tài còn cao quý hơn, mà Ngài gọi là “thánh sản” - tức là gia sản của bậc giải thoát. Và đức Phật đã giao Rāhula cho tôn giả Sāriputta làm thầy thế độ, xuống tóc và dạy dỗ chú sa-di này. Khi đó sa-di không có nội dung giới pháp như các vị đọc chiều nay, mà chỉ đọc ba câu thôi: “*Buddham saraṇaṃ gacchāmi, Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi, Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi*”, nghĩa là: “Con đến nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng”. “Sa-di” là từ phiên âm của từ sāmaṇera, nghĩa là “con của Sa-môn”. Sa-di là con trai của Sa-môn, sa-di-ni là con gái của Sa-môn, nghĩa là chỉ cho người tập sự mới vào tu. Ngài Rāhula xuất gia khi mới bảy tuổi, độ tuổi sau này được quy định là độ tuổi nhỏ nhất được xuất gia trong Phật giáo.

Do đức Phật dẫn ngài Rāhula đi xuất gia mà không nói cho gia đình biết trước cho nên vua Tịnh-Phạn rất đau buồn! Về sau, dựa trên cảm xúc không dễ chịu chút nào của bản thân, đức vua mới thỉnh cầu đức Phật, nếu sau này có người nào xuất gia, dù nam hay

nữ, mà còn sống với cha mẹ, phải được cha mẹ đồng ý. Nếu không, dẫn đi đột ngột quá thì người ta rất đau khổ khi chia lìa người thân. Và đức Phật đã chấp thuận lời thỉnh cầu đó. Cho nên từ đó về sau, các vị xuất gia nào đang sống với cha mẹ, thì cần phải được cha mẹ đồng ý. Có nhiều bài kinh kể lại một số vị muốn xuất gia mà khi xin bố mẹ không cho họ phải thể hiện sự quyết tâm, kiên trì của mình để thuyết phục cha mẹ bằng cách quỳ trước mặt cha mẹ nhiều giờ hoặc nhiều ngày không ăn không uống. Cha mẹ thương con quá chịu không nổi, thà cho xuất gia mà con còn sống, chứ không nó đói chết càng khổ hơn nên cuối cùng phải cho xuất gia. Nhưng mà đó là câu chuyện kể lại, bây giờ nếu một số vị ở đây thể hiện quyết tâm như vậy thì thầy nghĩ chưa chắc cha mẹ đồng ý. Mỗi thời có cách để thuyết phục riêng. Cha mẹ nào cũng thương con, muốn con sau này có được hạnh phúc, tốt đẹp, vì thế mình phải làm sao cho cha mẹ hiểu được Phật pháp ít nhiều và hiểu được mục đích cao quý của việc xuất gia sẽ tốt hơn.

Những vị sa-di đầu tiên khi vô tu học, họ không phải thọ mười giới như chúng ta. Những giới điều này khi bắt đầu có giới luật rồi thì đời sau mới chọn lựa ra các quy định phù hợp cho người mới vào tu, đang tập sự về nội dung cũng như số lượng giới điều. Rồi người ta chia mười học giới làm hai loại: trọng và khinh (nặng và nhẹ). Khi vi phạm học giới được gọi

là trọng thì có thể bị trục xuất, bị cởi áo cà-sa, trả về nhà, nhẹ thì bị phạt hoặc nhắc nhở. Rồi thêm một số nội dung nữa, chẳng hạn như đối với Tam Bảo phải thế nào, đối với các vị tỳ-khưu thì sa-di phải ứng xử làm sao. Đối với tỳ-khưu-ni hoặc là nữ giới thì phải ứng xử làm sao. Sau khi phân chia ra trọng và khinh, từ mười điều biến thành ba mươi điều.

Mấy chú sa-di mới vô đều đang tập sự cho nên đi, đứng, ngồi, nằm, ứng xử còn thô tháo, cần phải cho học và thực tập những gì để có oai nghi tế hạnh, để nói năng ứng xử chuẩn mực, thể hiện là người tu hành luôn luôn tỉnh giác biết mình. Vậy là bảy mươi lăm học giới trong tỳ-khưu được tách ra, đưa cho sa-di học, gọi là “bảy mươi lăm ung học pháp” hay là “bảy mươi lăm chúng học pháp”. Rồi cũng chưa đủ! Vì các sa-di sống với thầy, cho nên quan hệ thầy trò cần phải rõ ràng. Họ lấy mười bốn điều liên hệ đến chuyện thầy trò thân cận ở trong nội dung “Các pháp nên hành trì của tỳ-khưu” đưa vào, gọi là mười bốn phẩm hạnh của sa-di đối với thầy hoặc thầy với đệ tử.

Ba mục đích đầu tiên của vị sa-di khi vào tu tập, như thầy nói khi xuống tóc cho các học viên, đó là: *“Con nguyện dứt trừ các điều (hành vi) xấu ác; Con nguyện tu tập các hạnh lành; Con nguyện giữ tâm ý mình trong sạch.”* Bây giờ người ta chế ra rất nhiều điều học, và nghĩ rằng với nhiều điều học như vậy thì vị sa-di sẽ tốt hơn. Dụng ý thì tốt, nhưng mà thay vì

để cho người ta trọn vẹn với mục đích tu tập, miễn là những hành vi xấu ác mình từ bỏ, hành vi nào lệch thì mình điều chỉnh lại. Nghĩa là giáo dục ngay từ nhận thức thì nay người ta không giáo dục để người sơ cơ nhập đạo nhận thức ra vấn đề và tự sửa đổi, mà đặt người tu học vào trong vòng cương tỏa của những điều cấm, không được làm cái này, cái kia!

Trước khi đức Phật qua đời, Ngài cũng đã dặn: sau này Tăng chúng thấy trong các quy định (trong giới và luật), những điều nào nhỏ nhặt quá, không quan trọng thì có thể bỏ đi. Nhưng trong các kỳ kết tập lời dạy của đức Phật, những vị có trách nhiệm vì quá tôn trọng đức Phật hoặc không đủ tầm để thấy ra điều nào khinh, điều nào trọng, điều nào là nhỏ nhặt, nên các vị trưởng lão vẫn chủ trương là để nguyên. Chính vì vậy bây giờ chúng ta còn nguyên những điều quy định từ thời đức Phật. Dĩ nhiên có một số điều không còn phù hợp hoặc không còn giá trị về mặt tác dụng nữa, vì không còn các đối tượng liên hệ.

Thời đại chúng ta bây giờ mới sinh ra chuyện xuất gia gieo duyên, ngày xưa khi xuất gia là xuất gia dứt khoát, từ bỏ gia đình và đi luôn. Trừ khi mình không thể theo đuổi được lý tưởng tu học đến trọn đời vì một số chướng ngại, do không vượt qua được những cám dỗ của đời sống thì người ta phải “bán đồ nhi phé” (nửa đường bỏ cuộc). Còn hầu hết khi xuất gia thực sự là với mục đích cắt đứt mọi dây trói buộc

của gia đình, làm người xuất gia phạm hạnh, hướng đến lý tưởng giác ngộ giải thoát. Vậy vì sao có hình thức xuất gia gieo duyên này?

Xuất gia gieo duyên là một hình thức tu tập được vận dụng về sau. Theo thầy biết, riêng tại Thái Lan, trong thời kỳ bắt đầu hình thành nhà nước quân chủ vào khoảng thế kỷ XIII, dưới triều đại của vua Ramkhamhaeng. Vua Ramkhamhaeng là người chế tác ra chữ viết, có công thỉnh các vị cao tăng Sri Lanka về truyền bá Phật pháp tại Thái Lan, và sau đó lan tỏa ra cả nước. Trước giai đoạn đó, Thái Lan chịu ảnh hưởng Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa của Campuchia. Nhưng đến khi vua Ramkhamhaeng cung thỉnh được vị cao tăng bên Sri Lanka và một nhóm tỳ-khuru xứ ấy đưa các bản kinh vừa được kết tập ở Sri Lanka không lâu trước đó sang vùng đất Sukhothai (Trung bộ Thái Lan) thì Phật giáo Nguyên thủy bắt đầu được truyền bá, có chỗ đứng và lan rộng khắp đất nước, rồi trở thành quốc giáo. Một người cháu của nhà vua xuất gia rồi sau đó hoàn tục và lên ngôi vua. Từ đó hình thành tập quán xuất gia gieo duyên tại đây. Về Miến Điện thì thầy không rõ lắm. Hỏi thầy qua Miến Điện năm 2001, thầy thấy vào dịp tết của họ, tức khoảng rằm tháng Tư, có rất nhiều thanh niên trẻ, nam lẫn nữ vào chùa tu gieo duyên mấy tuần.

Mục đích của xuất gia gieo duyên là gì? Tùy theo từng người, nhưng nói tóm lại có thể phân ra các mục đích như sau:

- Thứ nhất, mình không thể hành trì trọn vẹn đời sống xuất gia suốt đời cho nên tạm thời buông bỏ, tạm dẹp công việc thế tục qua một bên và tham gia một khóa tu học. Khi tham gia khóa tu học trọn vẹn của một người xuất gia thực sự khác hẳn với chuyện học Phật pháp qua từng buổi học về giáo lý, với thầy dạy trò ghi chép rồi về. Ở đây, học và hành luôn luôn đi với nhau, sống trọn vẹn trong không khí tu học thật sự, chứ không phải chỉ hiểu trên lý thuyết.

- Thứ hai, có người thấy đời sống thế gian nhiều phiền não, nhiều bận rộn, và được giới thiệu đời sống xuất gia là nhẹ nhàng tốt đẹp, ít lãng xăng, vì vậy nên muốn thử trải nghiệm đời sống xuất gia xem sao, nếu phù hợp thì sau này sẽ xuất gia luôn. Điều này xảy ra ở một số học viên, sau khi trải nghiệm đời sống xuất gia một khóa hoặc hai khóa rồi cuối cùng quyết định xuất gia trọn đời.

- Thứ ba, lý do này thường xuất hiện ở các nước Thái Lan, Miến Điện: Xuất gia để báo hiếu. Như trường hợp một người đã mất bố hoặc mẹ nên phát nguyện vào chùa tu học, xuống tóc xuất gia làm sa-di, tu nữ. Họ nghĩ rằng với phước báu tu học đó hồi hướng cho cha mẹ là một cách để báo hiếu.

Ngoài ra còn một số lý do khác nữa tùy từng trường hợp riêng biệt, nhưng thường thì có ba nguyên nhân như vậy.

Khi tham gia xuất gia gieo duyên, chúng ta học hỏi điều gì? Ở các nước khác, đặc biệt ở Thái, Miến, qua tìm hiểu thầy được biết đa phần vì do các học viên từ nhỏ đã đi chùa hoặc học trường trong chùa, cho nên nghi lễ, kinh kệ họ rất là rành. Những bài kinh kệ, nghi lễ phổ thông họ biết hết. Do vậy, khi vào tu viện thì họ học hành thiền là chính, nội dung Phật học cũng ít. Có những nơi được tổ chức thường xuyên và quy mô. Một số chùa thì không tổ chức theo lớp, do có người có nhu cầu muốn gieo duyên nên chùa nhận và cho xuống tóc, thọ giới và sinh hoạt chung với những vị xuất gia trong chùa. Dĩ nhiên họ không được đào tạo theo lối khóa học tu tập, mà họ chỉ sinh hoạt theo các vị tăng của chùa đó một thời gian, gọi là “gieo duyên lành với đời sống xuất gia”.

Sau khi tìm hiểu hình thức xuất gia ở các nước này, trở về Việt Nam thầy bắt đầu mở Khóa tu học mùa hè cho các em nhỏ trước. Năm 2010 là khóa tu học mùa hè cho thanh thiếu nhi mang tính thử nghiệm đầu tiên. Năm 2011 thì chính thức tổ chức. Đến năm 2013 mới bắt đầu mở khóa Xuất gia gieo duyên đầu tiên. Ban đầu thầy nhờ các sư đang ở Thái Lan, từng tổ chức những khóa học này rồi về Việt Nam đứng ra tổ chức, lấy mô hình bên đó về áp dụng tại đây. Mấy

năm đầu là như vậy, trên danh nghĩa thầy là Trưởng ban tổ chức, nhưng về nội dung cũng như chương trình do các vị đó thiết kế hết. Mô hình giáo dục mới này tạo được ấn tượng tốt với những người tham dự trong một, hai khóa đầu. Đến khóa thứ ba và thứ tư, do thầy bận nên chỉ tham gia vào mục dạy kinh kệ cùng vài buổi nói chuyện. Sau đó, thầy phát hiện ra một số vấn đề lệch lạc, hiệu quả giáo dục không cao, thầy mới quyết định phải tham gia trực tiếp. Thầy bắt đầu thiết kế lại chương trình để tạo nội dung liền mạch về quan điểm và giải pháp trong Phật học cho thống nhất với nhau. Cùng thời gian đó, thầy cũng bắt đầu có những nhận thức chín muồi đối với Phật học ở một số điểm. Thầy thấy ra một số vấn đề không giống như là lâu nay người ta hay hiểu về đạo Phật, cho nên đây là cơ hội để thầy chia sẻ cái thấy biết của mình đối với những học viên có duyên.

Chẳng hạn như cách hiểu về Năm giới: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Cách nói có thể khác nhau, chẳng hạn như bên Phật giáo Phát triển gọi là “không sát sinh”, các nước theo truyền thống Nguyên thủy gọi là “kiêng tránh sát sinh, kiêng tránh trộm cắp,...”, nhưng khi thầy phát hiện ra đức Phật đã nói thế này trong một số bài kinh: *“Xã hội loài người nào nếu sống theo năm điều này, thì xã hội loài người đó sẽ có tuổi thọ tăng cao dần lên, có thể tăng đến một vạn*

tuổi; cuộc sống thái bình, hạnh phúc.” Khi đọc những đoạn đó, hồi xưa thầy không để ý, tình cờ có dịp đọc lại thầy bắt đầu đặt câu hỏi cho mình: vì sao mà đức Phật nói vậy? Dựa vào cơ sở nào để nói rằng nếu sống theo năm điều cấm đó, thì có thể tăng tuổi thọ? Để giải quyết vấn đề này thầy đã đi sâu, tìm kiếm tư liệu từ văn bản chữ Phạn, tìm hiểu, tra cứu gốc gác từ nguyên thế nào, khi đó thầy mới phát hiện ra vấn đề về từ ngữ hết sức quan trọng.

Trong câu phát nguyện giới không sát sinh: “*Pāṇātipātā veramanī sikkhāpadam samādiyāmi*”, chữ “*pāṇa*” có ba nghĩa: nghĩa gốc có nghĩa là *sự sống*; nghĩa thứ hai là *hơi thở*; nghĩa thứ ba mới là *sinh vật*, tức là một chúng sinh còn sống. Một chữ nữa cũng rất quan trọng, đó là “*sikkhāpadam*”, nghĩa là *điều học* chứ không phải là điều cấm. Điều học là gì? Điều mà chúng ta cần phải học để hiểu, hiểu để thực hành, thực hành mới mang lại lợi ích gì. Đó là nội hàm của từ “*sikkhāpadam*”. Còn chữ cuối câu, “*samādiyāmi*” là lời mong ước, hoặc lời thể hiện ước nguyện của mình thôi. Khi phát hiện điều đó, thầy thấy cái nhìn thay đổi hoàn toàn. Như vậy điều đức Phật muốn nói ở đây không phải là “không sát sinh”, “kiêng tránh sát sinh”. Vì chữ “sát sinh” là nhằm vào nghĩa thứ ba của từ *pāṇa* thôi - tức là “sinh vật”. Đàng này điều đức Phật muốn nói chính là sự sống. Sự sống mới quan trọng. Và sự sống là gì? Chúng ta phải học

hiểu về sự sống, phải tôn trọng sự sống, bảo vệ sự sống, mà trong đó mỗi chúng ta chính là một thành phần của sự sống. Loài người, các loại động vật, thực vật khác cũng là thành phần làm nên sự sống; bao gồm cả thiên nhiên, các tài nguyên; và quan trọng hơn đó sự giao thoa, tương tác, thái độ của chúng ta đối với các thành phần của sự sống, hoặc là giữa người và người. Chỉ bằng cách hiểu như vậy, thì mới làm rõ được nghĩa đức Phật muốn nói. Như vậy câu thứ nhất, có thể nói gọn là: *Con nguyện học hiểu sự sống là gì để tôn trọng và bảo vệ sự sống.*

Từ điều thứ nhất, thầy hiểu xong thì hiểu luôn điều thứ hai và các điều còn lại. Điều thứ hai nó không còn nằm trong phạm vi nhỏ là “trộm cắp, lấy của người khác mà người ta chưa cho phép” nữa. Ở đây nói lên tầm rộng lớn hơn của điều học thứ hai này, đó là quyền sở hữu. Khi xã hội hình thành, thì quyền sở hữu là quyền cơ bản của loài người: sở hữu cá nhân, sở hữu cộng đồng, sở hữu tập thể,... Khi sống trong đó, chúng ta nhất thiết phải tôn trọng điều đó, nếu không thì chắc chắn sẽ loạn, mất niềm tin lẫn nhau, và người ta sẵn sàng sang đoạt, chiếm hữu những cái không phải của mình. Bất kỳ hình thức chiếm đoạt, chiếm hữu nào của người khác mà chưa được người ta cho phép đều xâm phạm vào quyền sở hữu.

Điều thứ ba, ý nghĩa chúng ta thường hiểu là không tà dâm. Thực ra ở đây không phải chỉ là vấn đề

ngoại tình giữa người nam và người nữ đã có gia đình, mà còn là vấn đề làm chủ dục vọng của mình trong mức độ nào đó. Đối với người cư sĩ Phật tử có gia đình, thì điều học này nghĩa là gì? Chúng ta phải học hiểu trách nhiệm, bổn phận trong quan hệ hôn nhân, ngoài những lạc thú của đời sống hôn nhân. Trong đó giềng mối để hôn nhân có thể tồn tại là vấn đề trách nhiệm và bổn phận giữa vợ và chồng và ngược lại, cha mẹ với con cái, cũng như đối với thân tộc của hai bên,... nhất là trong xã hội Việt Nam hiện nay. Có xây dựng một nền tảng gia đình vững chắc dựa trên cơ sở hiểu biết và tôn trọng quyền lợi, bổn phận thì gia đình đó mới tồn tại tốt đẹp, xã hội mới bền vững được.

Cũng vậy, điều thứ tư, liên hệ đến vấn đề thông tin chúng ta truyền đạt ra cho người khác phải dựa trên sự thực chứ không chỉ là lời nói dối trá. Cái gì không dựa trên sự thật sẽ không tạo được sự tin cậy với đối tác, với người nghe, với đồng sự, với bạn bè, thậm chí là với cha mẹ và con cái. Một khi thông tin chúng ta truyền đạt ra bên ngoài, dưới dạng âm thanh, ký hiệu, hay chữ viết,... mà không dựa trên sự thật và không xuất phát từ thiện tâm, sự quan tâm đến người khác, thì chắc chắn sẽ không tạo được tín nhiệm lâu dài trong xã hội.

Điều thứ năm thì tương đối dễ hiểu. Đó là muốn sức khỏe tốt, muốn đầu óc luôn tỉnh táo, sáng suốt thì chúng ta không nên sử dụng các chất gây nghiện, mà

bảy giờ, ở thời đức Phật, mới chỉ có rượu men và rượu nấu; còn xã hội hiện đại của chúng ta ngày nay thì quá dồi dào các thứ gây say nghiện nên đang trở thành đại họa cho nhân loại.

Chỉ bằng cách hiểu rộng rãi, đúng mức như trên và tạo lập một xã hội dựa trên nền tảng của năm nguyên tắc sống lành mạnh này, chứ không phải hiểu theo nghĩa điều cấm nữa, thì khi đó tuổi thọ loài người mới có thể tăng dần lên như đức Phật dạy. Đó là một trong những vấn đề Phật học mà thầy thấy ra và muốn chia sẻ khi tổ chức các khóa tu học. Và còn có những điều khác nữa mà trong những buổi giảng sắp tới thầy sẽ chia sẻ với tất cả mọi người.

Phân ngày hôm nay đến đây thôi. Trong buổi sơ ngộ và giới thiệu qua về đời sống xuất gia, đặc biệt là khóa Xuất gia gieo duyên này, thầy có đôi lời để trao đổi cùng tất cả các vị học viên. Và để cho mọi người có thể mạnh dạn trong chuyện học hỏi, có thắc mắc gì trong lúc thầy đang giảng thì cứ mạnh dạn hỏi. Và đặc biệt là trong những buổi sáng thương trà, ngoài đề tài được giảng chính quy, có những vấn đề khác, ngoài lề thì mọi người cũng có quyền hỏi. Biết đến đâu thì thầy sẽ giải thích, trả lời đến đó. Cái gì thầy không hiểu, không biết thì thầy sẽ không trả lời. Thế thôi!

Khóa Xuất gia gieo duyên lần thứ 8, năm 2019